

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xây dựng Sông Hồng

Ngày 31/03/2025	8,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.6%	2.6%	9.6%

DT thuần Q1/25
1.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.20 -83.3%
YoY: ▲ 0.32 28.1%

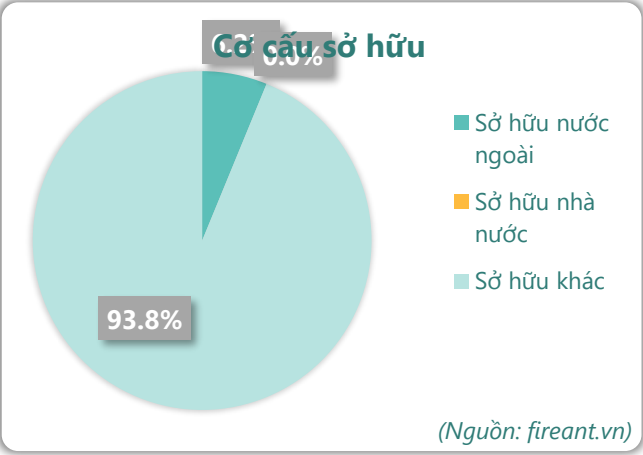
LN thuần Q1/25
-2.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.94 -74.6%
YoY: ▼1.68 -323%

LN sau thuế Q1/25
-2.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.54 -151%
YoY: ▼1.68 -323%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-119%
YoY: +/-▼ 176%

ROE (TTM) Q1/25
-0.9%
YoY: +/-▼ 0.6%

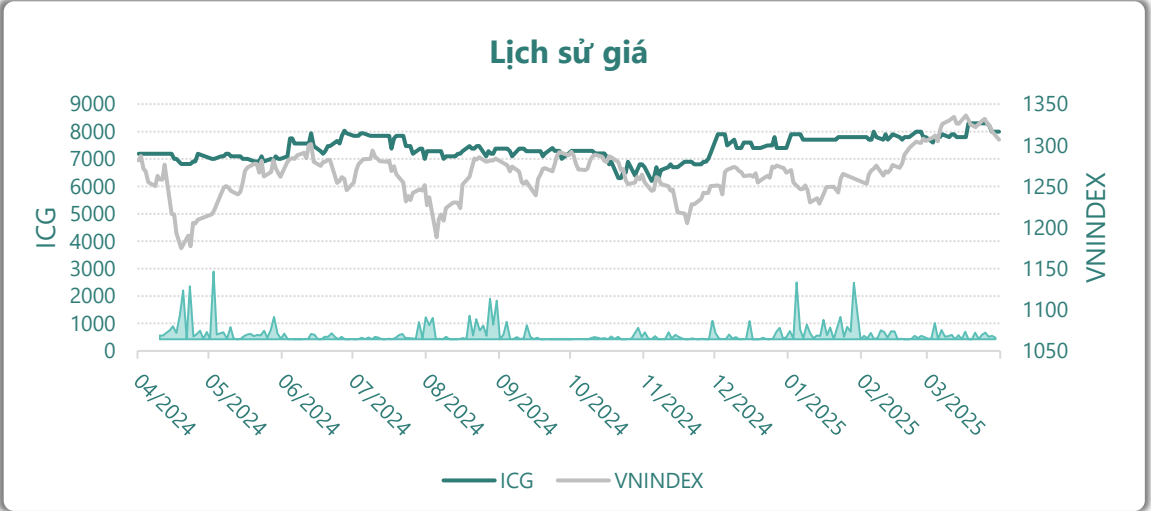
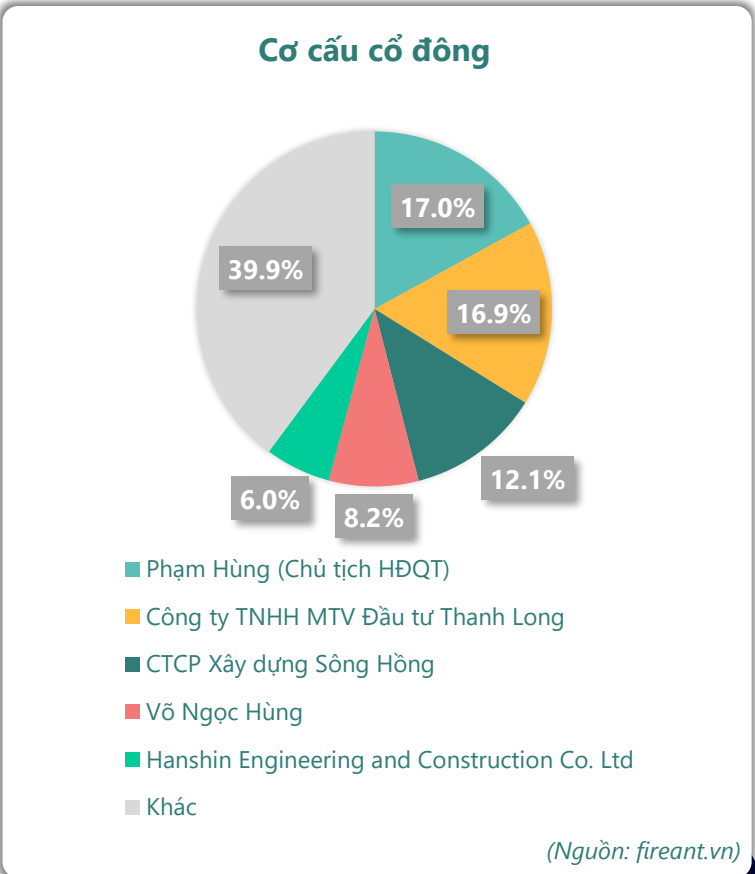
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,200 - 8,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	141
Số lượng CPLH (CP)	17,572,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,785
Sở hữu nước ngoài	6.2%
Beta	
EPS	-137
P/E	-58.2



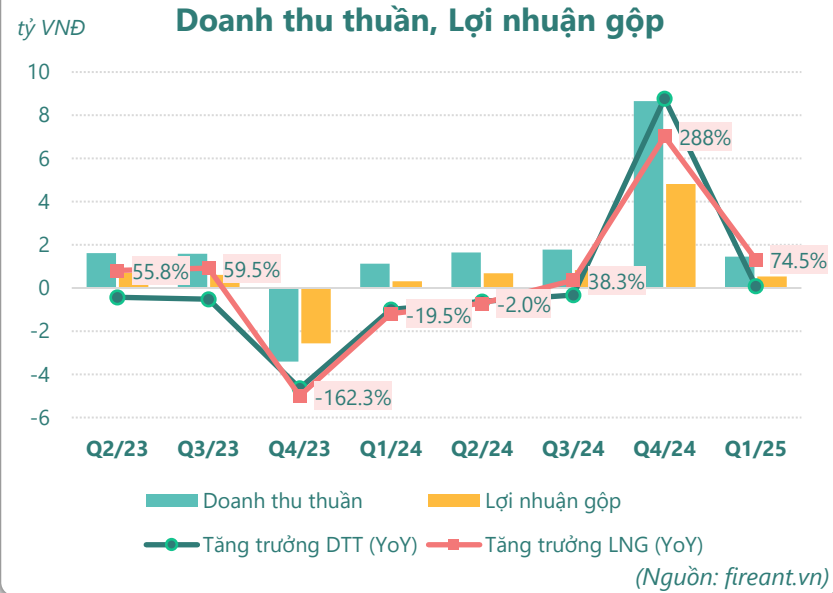
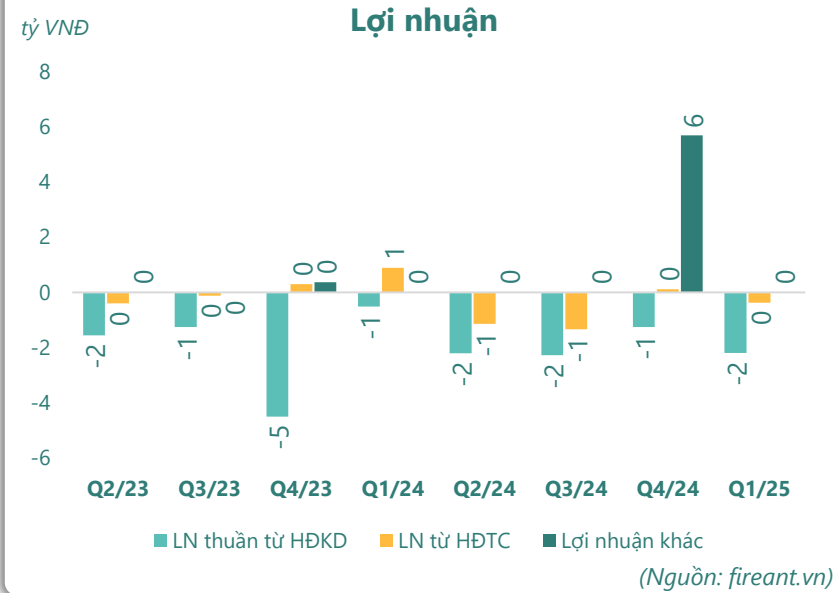
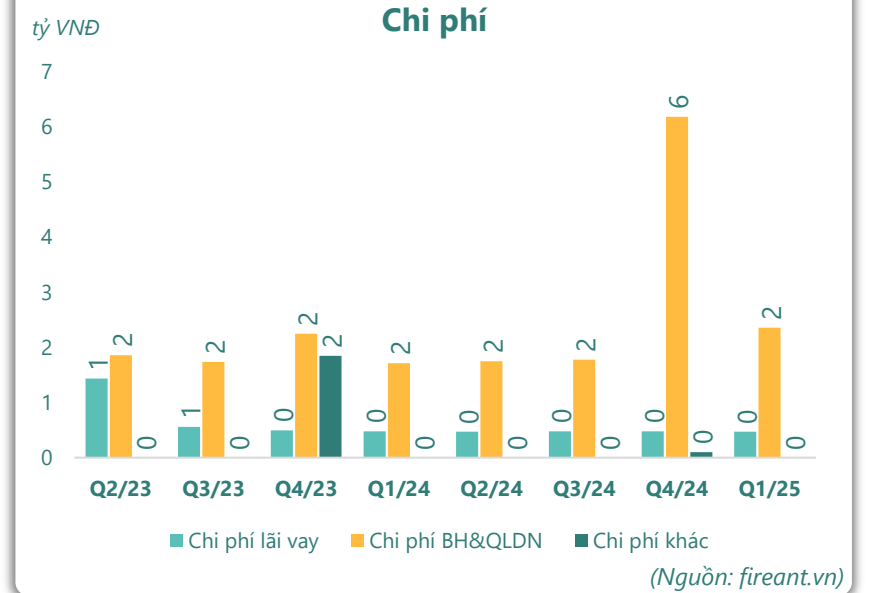
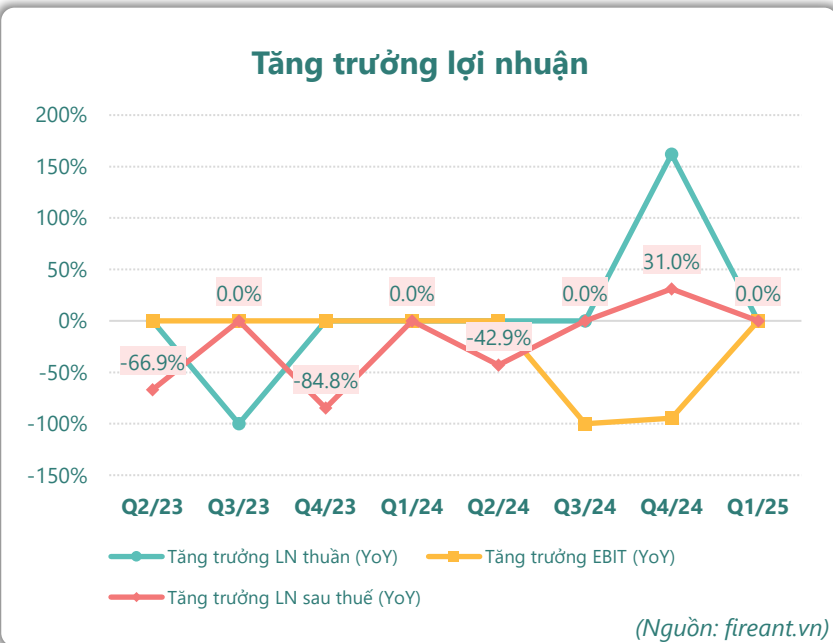
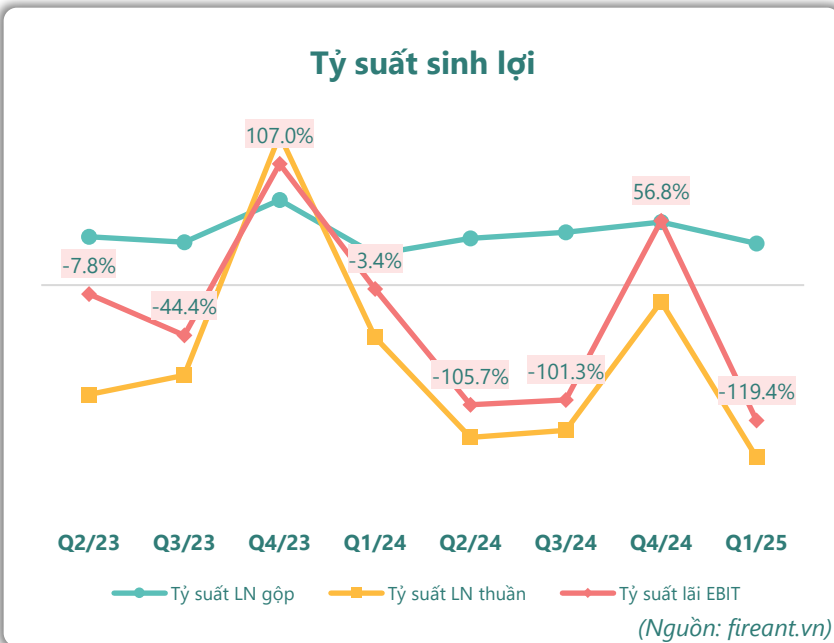
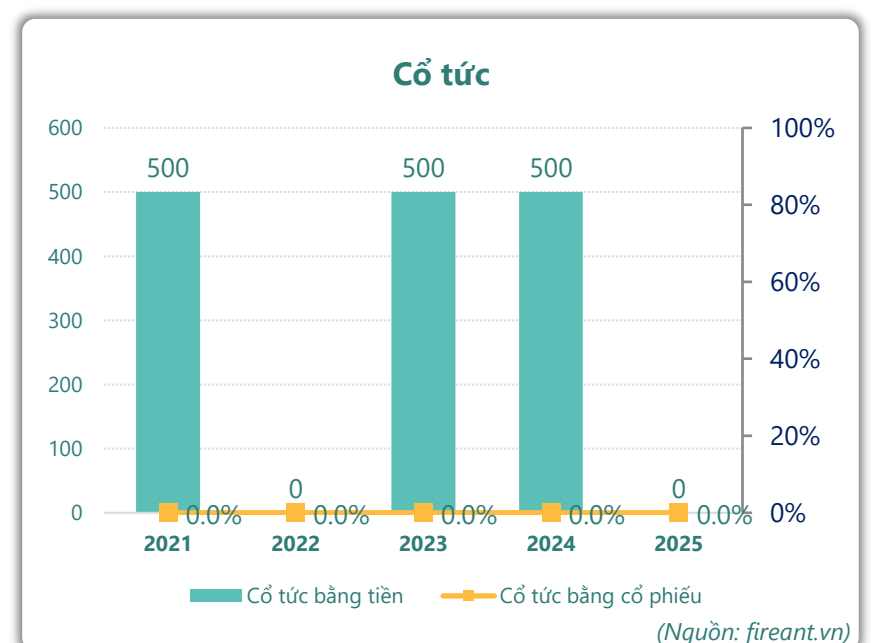
DT thuần 2024
13.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.2 1174%

LN thuần 2024
-5.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.13 37.6%

LN sau thuế 2024
0.28
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.42 103%



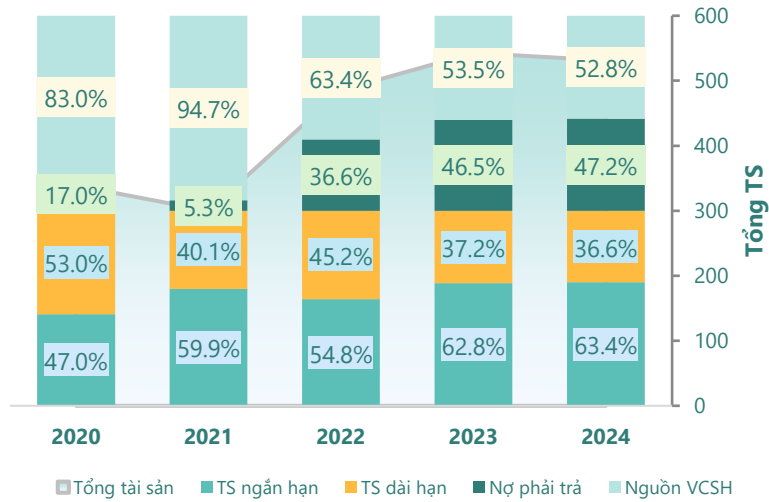
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

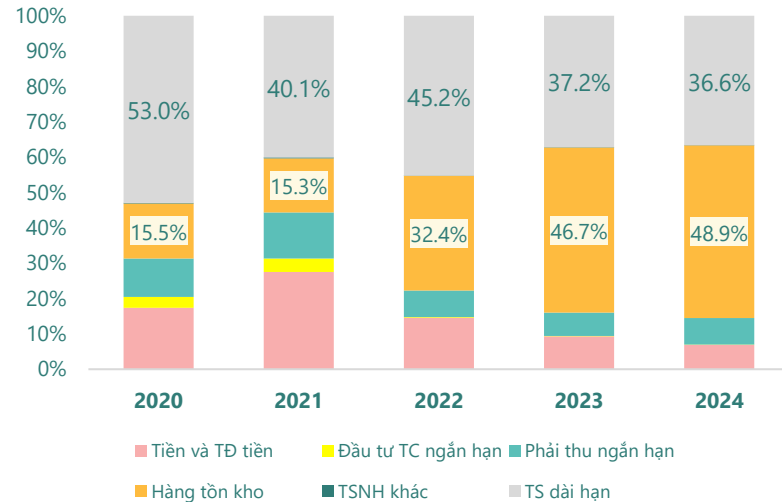
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

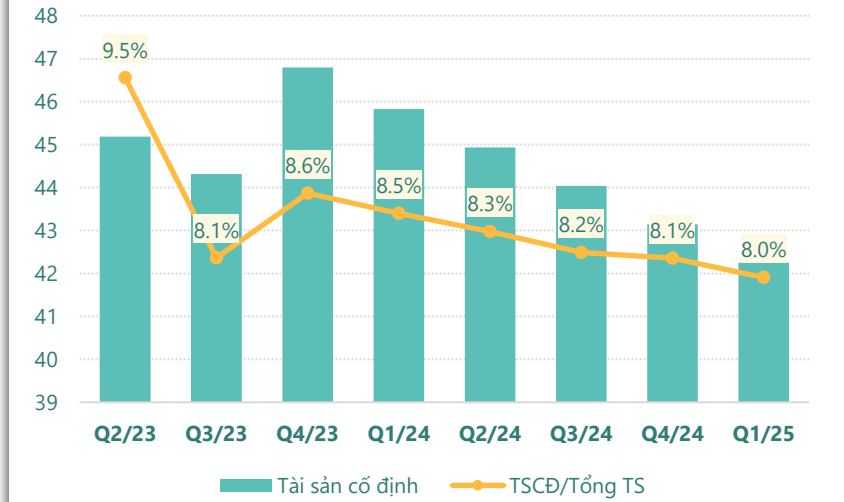
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

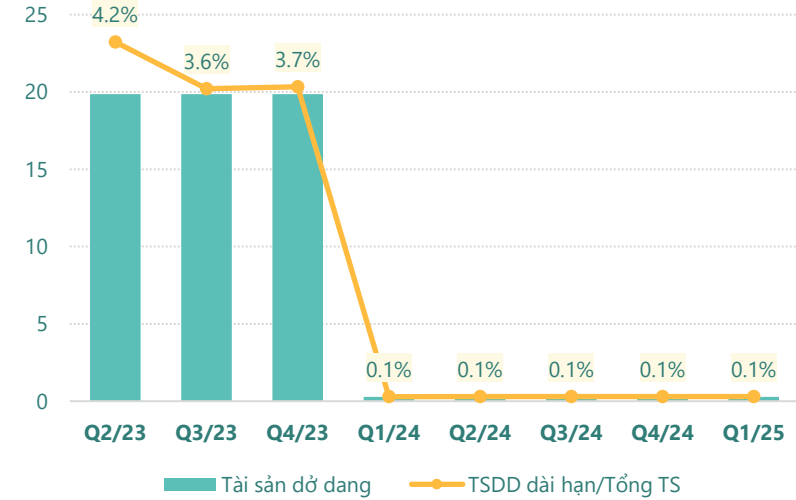
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

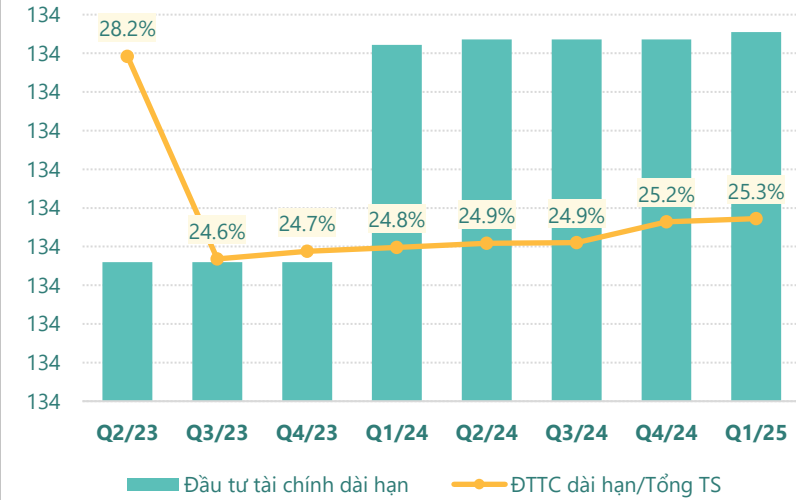
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

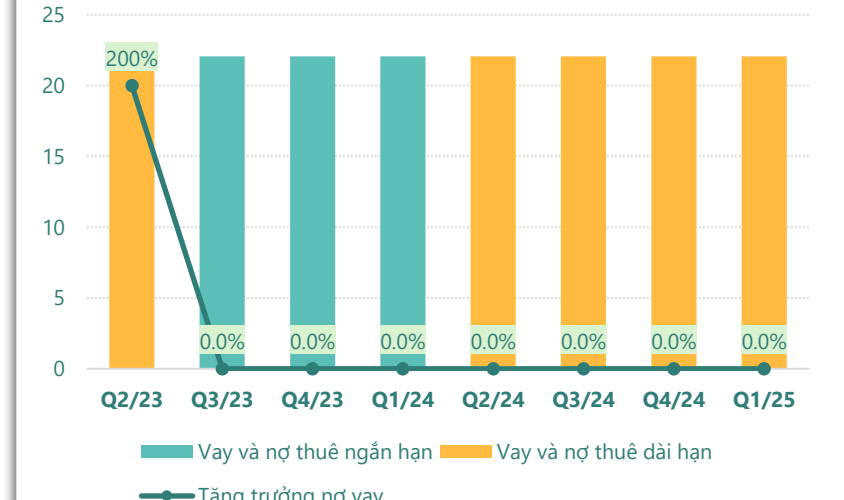
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

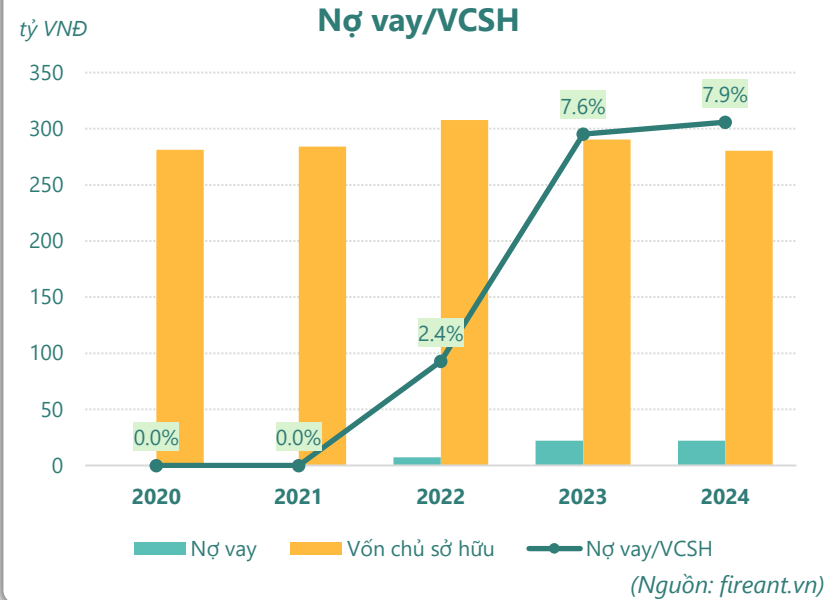
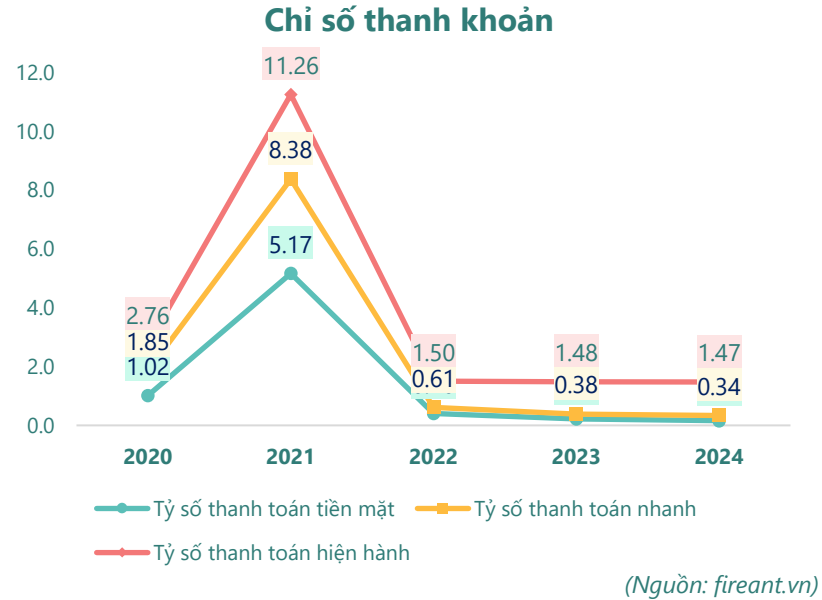
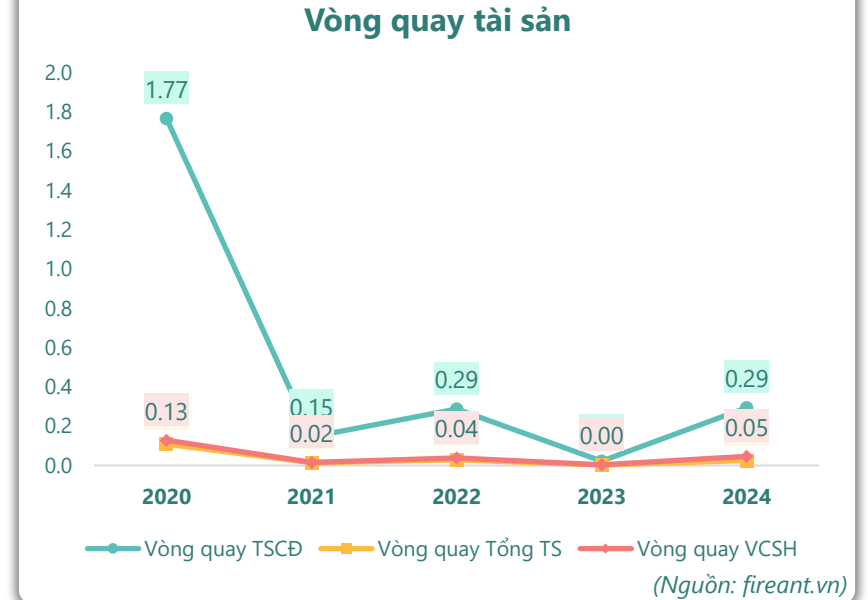
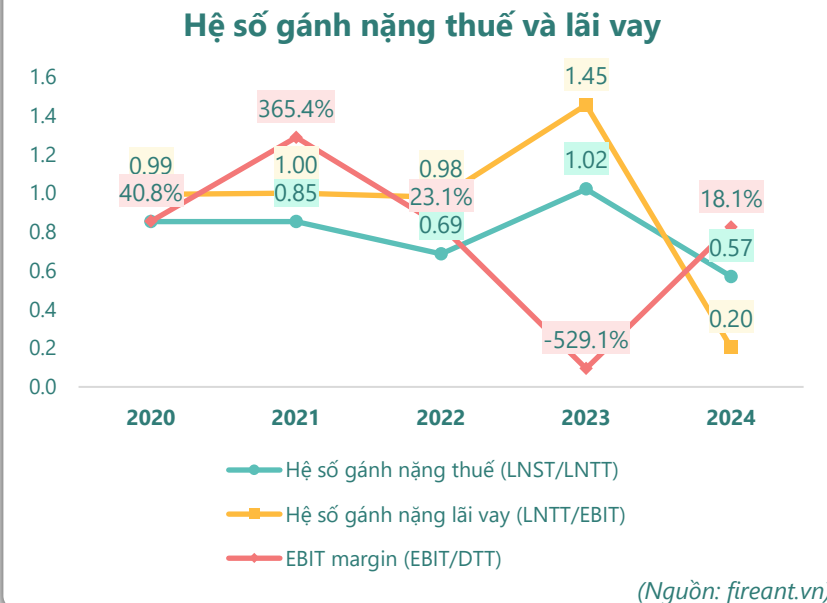
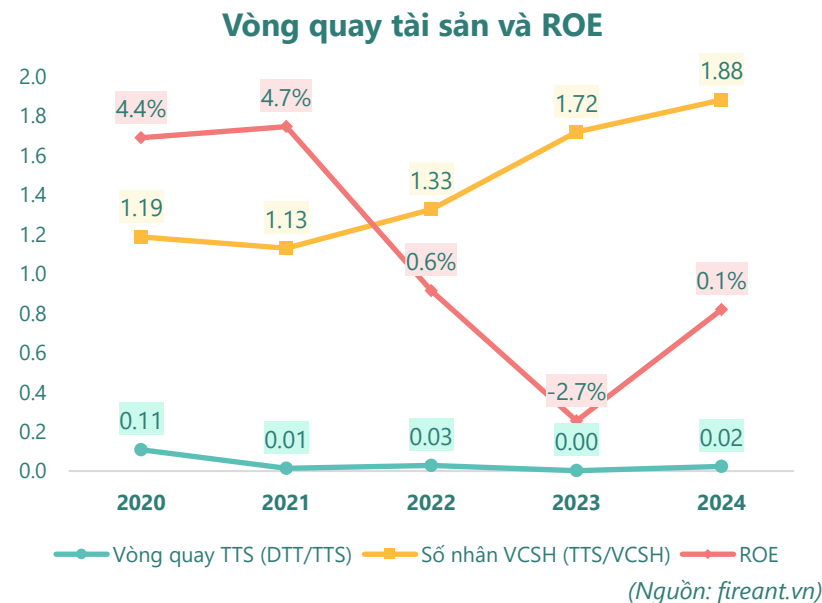
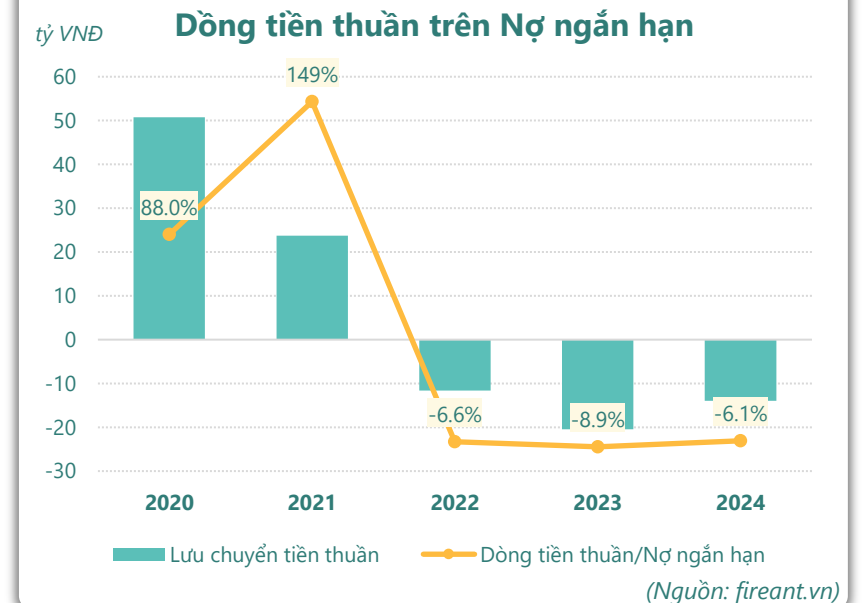
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.45	1.13	28.1%	13.2	1.04	1174%
Giá vốn hàng bán	0.91	0.82	11.5%	6.58	1.97	234%
Lợi nhuận gộp	0.53	0.31	72.0%	6.63	-0.93	810%
Doanh thu HĐTC	0.10	1.37	-92.8%	1.52	2.79	-45.3%
Chi phí TC	0.47	0.48	-1.8%	1.91	2.49	-23.5%
Chi phí lãi vay	0.47	0.48	-1.8%	1.91	2.49	-23.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00	0.06	-94.5%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.36	1.71	38.0%	11.5	7.76	47.6%
LN thuần từ HĐKD	-2.20	-0.52	-323%	-5.21	-8.34	37.6%
Lợi nhuận khác	0	0.00		5.70	0.37	1458%
LN trước thuế	-2.20	-0.52	-323%	0.49	-7.98	106%
Lợi nhuận sau thuế	-2.20	-0.52	-323%	0.28	-8.14	103%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.20	-0.52	-323%	0.27	-8.15	103%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.82	-0.80	-3.10	-1.47	-1.23	-8.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.75	0	0.75	0.18	0.56	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-1.11	1.09	0	-8.79	0
Tiền đầu kỳ	53.4	50.4	48.5	47.2	45.9	36.5
Lưu chuyển tiền thuần	-3.06	-1.91	-1.26	-1.30	-9.46	-8.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.4	48.5	47.2	45.9	36.5	28.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	530	531	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	337	337	0.0%
Tiền và tương đương tiền	28.3	36.5	-22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.78	0.78	0.0%
Phải thu ngắn hạn	44.9	39.5	13.6%
Hàng tồn kho	262	260	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.01	4444%
Tài sản dài hạn	193	195	-0.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	42.2	43.1	-2.1%
Bất động sản đầu tư	15.9	16.1	-0.9%
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	134	134	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.85	1.00	-15.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	252	251	0.4%
Nợ ngắn hạn	229	228	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.44	0.44	0.0%
Nợ dài hạn	22.7	22.8	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.1	22.1	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	278	280	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	278	280	-0.8%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

